

SỞ Y TẾ BẮC KẠN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BVĐK-KHTH
V/v Báo giá in Bệnh án, sổ sách, biểu
mẫu phục vụ công tác chuyên môn

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Các Cơ sở in ấn cung cấp dịch vụ in Bệnh án, sổ sách, biểu mẫu
phục vụ công tác chuyên môn.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn có nhu cầu in Bệnh án, sổ sách, biểu mẫu
phục vụ công tác chuyên môn với các nội dung cụ thể như sau:

(Có danh mục chi tiết yêu cầu in Bệnh án, sổ sách, biểu mẫu đính kèm).

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn đề nghị nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm
thực hiện cung cấp gói thầu nêu trên, gửi báo giá về Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc
Kạn trước 16h 00 ngày 1 tháng 4 năm 2024 theo địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng
hợp Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn, tổ 12, phường Nguyễn Thị Minh khai, thành
phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi (Đề nghị báo giá);
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng KHTH (Công khai trên trang TTĐT);
- Lưu: VT; KHTH.

Hoàng Xuân Sơn

PHỤ LỤC

Bệnh án, sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác chuyên môn

(Kèm theo Công văn số: /BVĐK-KHTH, ngày tháng 4 năm 2024)

1. Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu

Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp.

2. Yêu cầu về nội dung:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá(VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bệnh án ngoại: 1 tờ A3 in 2 mặt - đóng 4 gáy +Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	1,000		
2	Bệnh án nhi: 1 tờ A3 in 2 mặt - đóng 4 gáy +Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	1,250		
3	Bệnh án thận: 1 tờ A3 in 2 mặt - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	200		
4	Bệnh án mắt trẻ em 1 tờ A3 in - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt + Tờ phiếu khám vào viện in A4 2 mặt + (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	250		
5	Bệnh án mắt chấn thương 1 tờ A3 in - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt + Tờ phiếu khám vào viện in A4 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	250		
6	Bệnh án sản: 1 tờ A3 in - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt(giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	500		
7	Bệnh Ung bướu: 1 tờ A3 in - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt Phiếu cam kết nằm viện A5 in 1 mặt(giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	500		
8	Bệnh án nội: 1 tờ A3 in - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	2,800		
9	Bệnh án tâm thần kinh 2 tờ A3 in 2 mặt đóng 4 gáy; Tờ điều trị A4 in 2 mặt, (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	200		
10	Bệnh án y học cổ truyền và PHCN nội trú: 2 tờ A3 in 2 mặt đóng 4 gáy; Tờ điều trị A4 in 2 mặt.(giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	200		
11	Bệnh án y học cổ truyền và PHCN ngoại trú: 2 tờ A3 in 2 mặt đóng 4 gáy; Tờ điều trị A4 in 2 mặt.(giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	100		
12	Bệnh án TMH nội trú: 1 tờ A3 in 2 mặt - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	250		

13	Bệnh án truyền nhiễm nội trú: 1 tờ A3 in 2 mặt - đóng 4 gáy + Tờ điều trị A4 in 2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 60/m ² độ trắng 92.)	Quyển	250		
14	Sổ hợp giao ban: 100 trang Bìa Dup lex in A3, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	21		
15	Sổ hợp giao ban: 200 trang in 2 mặt A3 Bìa dup lex, vào keo bìa, khâu giữa.	Quyển	42		
16	Sổ mượn tài sản: Bìa ngoại in A5 - in 1 mặt (200 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	30		
17	Sổ BG thuốc thường trực: 100 trang Bìa Dup lex in A3, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	3		
18	Sổ BG dụng cụ thường trực: 100 trang Bìa Dup lex in A3, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	4		
19	Sổ thủ thuật: 200 trang in 2 mặt A3 Bìa dup lex, vào keo bìa, khâu giữa.	Quyển	1		
20	Sổ tài sản y dụng cụ: 100 trang Bìa Dup lex in A5, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	1		
21	Sổ BG người bệnh vào khoa: 100 trang Bìa Dup lex in A5, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	3		
22	Sổ tổng hợp y lệnh thuốc đứng: 100 trang Bìa Dup lex in A3, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	36		
23	Sổ thường trực: 100 trang Bìa Dup lex in A3, gập đôi - in 2 mặt đóng gáy giữa	Quyển	11		
24	Sổ thường trực: 200 trang in 2 mặt A3 Bìa dup lex, vào keo bìa, khâu giữa.	Quyển	25		
25	Sổ hồ sơ bệnh án: A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (200 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	5		
26	Sổ mô bệnh học: A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (200 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	10		
27	Phiếu chụp XQ: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	550		
28	Bảng kiểm an toàn PTTT: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	2,000		
29	Phiếu phẫu thuật mổ: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	100		
30	Phiếu khám chuyên khoa: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	100		
31	Giấy khám chữa bệnh theo yêu cầu: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	500		
32	Phiếu phẫu thuật thủy tinh thể: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	250		

33	Phiếu phẫu thuật sụp mi: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	100		
34	Phiếu phẫu thuật Glucom: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	100		
35	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh vào khoa: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	500		
36	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh khi chưa kết thúc việc điều trị): A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	200		
37	Giấy cam kết ra viện không theo chỉ định của bác sỹ (khi chưa kết thúc việc điều trị): A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,500		
38	Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,350		
39	Phiếu khám chữa bệnh theo yêu cầu: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	250		
40	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa dành cho điều dưỡng: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,700		
41	Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa dành cho bác sỹ: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,700		
42	Phiếu cung cấp thông tin người bệnh tại khoa HSTC: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	250		
43	Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,650		
44	Phiếu theo dõi chức năng sống: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	7,700		
45	phiếu biên bản hội chẩn: A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	250		
46	Phiếu điều trị sơ sinh: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.) 2 tờ / bộ	Bộ	1,000		
47	Phiếu cam đoan PTTT : In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	800		
48	Phiếu công khai thuốc: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.) 2 tờ / bộ	Bộ	10,000		
49	Bảng chấm công: In A3-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	45		

50	Phiếu XN nước tiểu phân: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	700		
51	Phiếu XN hóa sinh máu: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.).	Tờ	2,100		
52	Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.).	Tờ	100		
53	Phiếu XN huyết học: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.).	Tờ	1,400		
54	Phiếu khai thác tiền sử dị ứng kháng sinh: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	5,250		
55	Phiếu công khai giường: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	7,750		
56	Giấy cam kết chấp nhận PTTT và GMHS: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	1,450		
57	Phiếu gây mê hồi sức: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	2,000		
58	Phiếu xét nghiệm sinh thiết: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	500		
59	Phiếu xét nghiệm vi khuẩn lao: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	500		
60	Phiếu theo dõi điều trị: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	9,450		
61	Phiếu khám thai: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	250		
62	Phiếu chăm sóc: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	8,450		
63	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	5,100		
64	Sổ lấy mẫu : A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (100 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	2		
65	Sổ nhật ký xử lý rác thải: A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (60 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	3		
66	Sổ nhật ký sử dụng trang thiết bị : A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (60 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	15		
67	Sổ theo dõi nhiệt độ tủ lạnh : A4. Bìa Dup lex in A4 - in 2 mặt (60 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	7		

68	Sổ giao nhận mẫu bệnh phẩm: A4. Bìa Duplex in A4 - in 2 mặt (100 trang) đóng gáy dán băng dính	Quyển	5		
69	Sổ xét nghiệm test nhanh : 100 trang in 2 mặt A3 Bìa duplex, đóng gáy dán băng dính.	Quyển	3		
70	Sổ nhuộm soi và soi tươi: 100 trang in 2 mặt A3 Bìa duplex, đóng gáy dán băng dính.	Quyển	3		
71	Sổ xét nghiệm phân: 100 trang in 2 mặt A3 Bìa duplex, đóng gáy dán băng dính.	Quyển	3		
72	Phiếu truyền máu: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	1,700		
73	Phiếu giao nhận trẻ: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	500		
74	Phiếu giao nhận đồ dùng tự nguyện khoa sản: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	500		
75	Đơn thuốc: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	3,950		
76	Phiếu cam kết nằm viện: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	5,450		
77	Phiếu XN HIV: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	750		
78	Phiếu XN nhỏ: A5-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	1,200		
79	Phiếu truyền dịch: In A4-2 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	5,450		
80	Phiếu tiểu phẫu: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	900		
81	Phiếu biểu đồ chuyển dạ: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m ² độ trắng 92.)	Tờ	500		
82	Phiếu siêu âm: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	1,050		
83	Phiếu nội soi: In A4-1 mặt (giấy bãi bằng ĐL 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	250		
84	Giấy khám sức khỏe lái xe: A3-2 mặt (giấy bãi bằng 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	500		
85	Giấy khám sức khỏe công tác: A3-2 mặt (giấy bãi bằng 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	500		

86	Giấy khám sức khỏe dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên: A3-2 mặt (giấy bãi bằng 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	200		
87	Giấy khám sức khỏe dùng cho người dưới 18 tuổi: A3-2 mặt (giấy bãi bằng 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	200		
88	Giấy khám sức khỏe định kỳ : A3-2 mặt (giấy bãi bằng 65 g/m2 độ trắng 92.)	Tờ	700		
89	Túi đựng phim XQ: (kích thước 27 cm x 36 cm)	Túi	5,000		
90	Túi đựng phim XQ cắt lớp và cộng hưởng từ : (36 cm x 45 cm)	Túi	2,000		
Tổng cộng: 91 Khoản					

3. Yêu cầu khác:

- Giá đã bao gồm thuế, các chi phí khác
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hình thức và phương thức thanh toán: Chuyển khoản.